PHẦN VĂN BẢN KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2341/QĐ-TTg *Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nam Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nam Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch), với các nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nam Định đến năm 2020 phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Hồng và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, thống nhất với quy hoạch ngành, lĩnh vực; đảm bảo có vai trò đóng góp vào tăng trưởng đối với tiểu vùng Nam đồng bằng sông Hồng cũng như cả vùng đồng bằng sông Hồng ngày càng tăng lên.

2. Huy động cao nhất các nguồn lực để phát triển nhanh, bền vững và hiệu quả; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực, nâng cao chất lượng tăng trưởng; ưu tiên phát triển và xây dựng thương hiệu các sản phẩm chủ lực của tỉnh có chất lượng và khả năng cạnh tranh cao, tạo nguồn thu cho ngân sách.

3. Phát triển kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, giảm nghèo nhanh, tạo việc làm, từng bước giảm dần chênh lệch mức sống giữa các khu vực, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho nhân dân.

4. Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững không những trong phạm vi tỉnh mà cả khu vực lân cận hướng tới hình thành một tỉnh xanh, sạch về môi trường vào cuối những năm 2020, đầu những năm 2030.

5. Phát triển kinh tế - xã hội kết hợp chặt chẽ với bảo đảm quốc phòng, giữ vững ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng nền kinh tế của tỉnh Nam Định có bước phát triển nhanh, bền vững, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, trọng tâm là công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Tập trung đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng hiện đại, hệ thống đô thị tương đối phát triển, các lĩnh vực văn hóa, xã hội được chú trọng phát triển; mức sống người dân từng bước được cải thiện; môi trường được bảo vệ bền vững, bảo đảm vững chắc an ninh, quốc phòng và trật tự an toàn xã hội; xây dựng thành phố Nam Định thành trung tâm vùng Nam đồng bằng sông Hồng. Đến năm 2020, Nam Định có trình độ phát triển ở mức trung bình khá và đến năm 2030 đạt mức phát triển khá của vùng đồng bằng sông Hồng.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng bình quân thời kỳ 2011 - 2020 khoảng 13,3%/năm, trong đó giai đoạn 2011 - 2015 là 13%/năm và giai đoạn 2016 - 2020 đạt 13,5%/năm; thời kỳ 2021 - 2030 khoảng 12,7%/năm.

- Đến năm 2015: Cơ cấu kinh tế các ngành nông lâm ngư nghiệp, công nghiệp, dịch vụ tương ứng là 26,0%, 39,5% và 34,5%; GDP bình quân đầu người đạt khoảng 39 - 40 triệu đồng; thu ngân sách tăng khoảng 17%/năm; giá trị xuất khẩu tăng khoảng 11%/năm.

- Đến năm 2020: Cơ cấu kinh tế các ngành nông lâm ngư nghiệp, công nghiệp, dịch vụ tương ứng là 13,0%, 45,7% và 41,3%; GDP bình quân đầu người đạt khoảng 86 triệu đồng; thu ngân sách tăng khoảng 15%/năm; giá trị xuất khẩu tăng khoảng 15%/năm.

- Định hướng đến năm 2030: Tỷ trọng nông lâm ngư nghiệp giảm xuống dưới 10%; tỷ trọng phi nông nghiệp tăng trên 90% trong cơ cấu kinh tế.

b) Về xã hội:

Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo 1 - 2%/năm; giảm tỷ lệ sinh bình quân 0,15 - 0,2‰/năm; mỗi năm giải quyết được 30 - 40 nghìn lượt lao động; giảm tỷ lệ thất nghiệp ở đô thị và ổn định ở mức 3% - 4%.

- Đến năm 2015: Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên bình quân 0,92%/năm, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn khoảng 13%; đạt bình quân 21,3 giường bệnh/vạn dân, 7 bác sỹ/vạn dân; trên 60% lao động qua đào tạo; tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 25%; giảm dần tỷ lệ lao động nông nghiệp còn khoảng 52%; 100% trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia.

- Đến năm 2020: Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên bình quân 0,9%/năm, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng dưới 10%, bình quân 25,5 giường/vạn dân và 9 bác sỹ/vạn dân; trên 75% lao động qua đào tạo; tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 35%; tỷ lệ lao động nông nghiệp còn khoảng 35%; trên 80% trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia.

c) Về bảo vệ môi trường

- Đảm bảo các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường; trên 95% chất thải rắn được thu gom; trên 90% chất thải nguy hại được xử lý; mỗi xã có ít nhất 1 bãi chôn lấp rác thải đạt tiêu chuẩn môi trường.

- Đến năm 2015 có 95% dân số nông thôn được dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đạt 100% vào năm 2020.

d) Về bảo đảm an ninh quốc phòng:

Xây dựng quốc phòng vững mạnh. Bảo đảm ổn định vững chắc an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống. Tạo bước chuyển biến mới rõ rệt về trật tự, an toàn xã hội, nếp sống đô thị, đấu tranh phòng chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Phát triển ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản:

- Phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa, chất lượng cao, bền vững. Ưu tiên ứng dụng khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ sinh học vào sản xuất nông nghiệp nhằm nâng cao chất lượng nông sản. Phát huy lợi thế các tiểu vùng sinh thái (vùng đồng bằng ven sông, vùng ven biển) để hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, các cánh đồng mẫu lớn quy mô từ 30 - 50 ha, khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với hệ thống chế biến, phân phối và tiêu thụ sản phẩm. Phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 2,9% thời kỳ 2011 - 2020 và đạt 2,2% thời kỳ 2021 - 2030.

- Phát triển nông nghiệp phải gắn với xây dựng nông thôn mới, đầu tư hoàn chỉnh hệ thống tưới tiêu, củng cố đê điều, xây dựng giao thông nông thôn, giao

thông nội đồng để bảo đảm phát triển sản xuất ổn định, từng bước cải thiện cuộc sống của người dân theo tiêu chí nông thôn mới.

- Nông nghiệp: Ổn định diện tích canh tác lúa khoảng 75 nghìn ha; hình thành các vùng sản xuất rau màu tập trung; có giải pháp dồn điền đổi thửa để tạo điều kiện cho người dân phát triển kinh tế trang trại; xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu của tỉnh.

Tiếp tục phát triển mạnh chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng trang trại tập trung gắn với chế biến tạo ra các sản phẩm chất lượng cao đáp ứng thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; phấn đấu tỷ trọng chăn nuôi trong cơ cấu ngành nông nghiệp tăng dần từ 41,2% (năm 2015) lên 46,6% (năm 2020).

- Thủy sản: Quản lý và thực hiện tốt quy hoạch phát triển kinh tế thủy sản; hình thành các vùng nuôi tập trung theo phương thức bán thâm canh và thâm canh, áp dụng công nghệ nuôi tiên tiến cho năng suất cao và an toàn.

2. Phát triển công nghiệp

- Tập trung phát triển nhanh, hiệu quả và nâng cao năng lực cạnh tranh để chủ động hội nhập với khu vực và thế giới; khai thác triệt để tiềm năng và lợi thế so sánh để phát triển; nâng cao chất lượng xúc tiến đầu tư, xây dựng môi trường đầu tư thuận lợi nhằm thu hút được các dự án có quy mô lớn, công nghệ cao, thân thiện môi trường tạo bước đột phá trong phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Phấn đấu tốc độ tăng giá trị gia tăng công nghiệp thời kỳ 2011 - 2020 đạt 17,6%/năm, thời kỳ 2021 - 2030 đạt 13,5%/năm.

- Tập trung đầu tư hình thành một số ngành, sản phẩm chủ lực của địa phương có khả năng cạnh tranh trên thị trường, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao như đóng tàu, trung tâm điện lực, công nghiệp hỗ trợ, sản xuất dược liệu, cơ khí chế tạo, ô tô, xe máy, điện tử - tin học...

- Ưu tiên phát triển các sản phẩm công nghiệp có thị trường tương đối ổn định, hiệu quả cao, các ngành công nghiệp có thế mạnh về nguồn nguyên liệu (công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm), lao động (dệt may, da giày...); tăng cường đầu tư chiều sâu, đổi mới trang bị công nghệ hiện đại, thiết bị đồng bộ; khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển công nghiệp, đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư.

- Phát triển công nghiệp phải gắn với xây dựng nông thôn mới, phát triển dịch vụ, du lịch, phát triển đô thị, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

3. Phát triển thương mại và dịch vụ

Phát triển lĩnh vực thương mại, dịch vụ bền vững, hiệu quả đáp ứng nhu cầu phát triển ngày càng cao của xã hội, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch; phấn đấu tốc độ tăng trưởng đạt khoảng 12,2%/năm cho cả giai đoạn.

- Thương mại: Hoàn chỉnh hệ thống kết cấu hạ tầng và cơ sở kỹ thuật phục vụ thương mại theo hướng kết hợp giữa phát triển thương mại tại khu vực đô thị với phát triển thị trường nông thôn; phát triển các khu chợ đầu mối để thu mua sản phẩm của người dân; hình thành các cụm thương mại - dịch vụ kết nối với vùng sản xuất hàng hóa nông nghiệp tập trung hoặc gắn với các khu cụm công nghiệp; quy hoạch hệ thống chợ phù hợp với phân bố dân cư, chú trọng công tác vệ sinh, an toàn thực phẩm tại các khu chợ. Phát triển đồng bộ, hoàn chỉnh và ngày càng hiện đại các loại thị trường dịch vụ trên địa bàn tỉnh Nam Định.

- Du lịch: Đổi mới chính sách đầu tư, quản lý về du lịch nhằm thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, nâng cấp hạ tầng du lịch; phát triển du lịch theo loại hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng; du lịch văn hóa, tâm linh... hình thành các tuyến du lịch liên tỉnh.

4. Phát triển các lĩnh vực xã hội

a) Lao động và giải quyết việc làm

Chú trọng công tác tạo việc làm, nâng cao chất lượng việc làm và thu nhập cho người lao động, coi đây là nhiệm vụ xuyên suốt đối với tất cả các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Phát triển và nhân rộng các mô hình, hệ thống trung tâm giới thiệu việc làm và hoạt động thông tin thị trường lao động. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng giảm lao động sản xuất nông nghiệp, tăng nhanh lao động trong lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ; phấn đấu đến năm 2020, cơ cấu lao động nông nghiệp chiếm khoảng 35%.

b) Giáo dục - đào tạo

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tiếp tục tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho các trường học; nâng cao trình độ giáo viên theo chuẩn quốc gia, đa dạng hóa các hình thức đào tạo để đảm bảo quyền và nghĩa vụ học tập của mọi người dân, thực hiện công bằng trong giáo dục đào tạo.

Ưu tiên đào tạo một số ngành nghề đặc trưng cho phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Hồng; nghiên cứu đầu tư khu đào tạo nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động; tiếp tục nâng cao chất lượng các trung tâm giáo dục thường xuyên.

c) Y tế và chăm sóc, bảo vệ sức khỏe

Xây dựng hệ thống y tế từng bước hiện đại, hoàn chỉnh và đồng bộ từ tuyến tỉnh đến y tế cơ sở, đủ khả năng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của nhân dân về bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe. Phấn đấu đến năm 2020, các bệnh viện tuyến tỉnh và tuyến huyện được trang bị 100% chủng loại thiết bị y tế theo danh mục quy định; 100% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; xây dựng Bệnh viện 700 giường bệnh.

d) Văn hóa, thể dục thể thao

Tiếp tục thực hiện tốt phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh". Đẩy mạnh xây dựng đời sống văn hóa quần chúng, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh. Phấn đấu đến năm 2020 có khoảng 70% số gia đình văn hóa, 50% số làng xóm, cơ quan, trường học đạt chuẩn văn hóa.

Phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng một cách sâu rộng, cơ bản, vững chắc trên địa bàn toàn tỉnh. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng lực lượng thể thao thành tích cao tham gia các giải đấu cấp vùng, cấp quốc gia và quốc tế. Xây dựng Trung tâm thể dục thể thao vùng Nam đồng bằng sông Hồng.

đ) Các lĩnh vực xã hội khác

Thực hiện đồng bộ, toàn diện và hiệu quả các chương trình, dự án xóa đói giảm nghèo; nâng cao nhận thức, trách nhiệm và tính tự lực của các hộ nghèo để cùng với sự trợ giúp của cộng đồng vươn lên thoát nghèo bền vững.

Phát triển các hoạt động an sinh xã hội đồng thời thực hiện tốt các chính sách chăm sóc người có công với nước; các chính sách về quyền trẻ em, đảm bảo cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được bảo vệ, chăm sóc.

Phòng và chống tai nạn, nhất là tai nạn giao thông, tai nạn lao động, các bệnh nghề nghiệp. Đẩy mạnh công tác phòng, chống các tệ nạn xã hội. Tăng cường và nâng cao hiệu quả cuộc vận động xây dựng xã/phường lành mạnh, không có tệ nạn xã hội gắn với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa mới".

5. Phát triển khoa học và công nghệ

Tích cực nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ nhất là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học vào sản xuất; gắn kết chặt chẽ giữa việc nghiên cứu với các hoạt động chuyển giao nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học đồng thời đóng góp vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế.

Quy hoạch phát triển hạ tầng cơ sở hoạt động khoa học công nghệ, phát triển lực lượng sản xuất, hình thành các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khoa học công nghệ.

6. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng

a) Giao thông

Phát triển hạ tầng giao thông theo hướng hiện đại, đồng bộ đáp ứng nhu cầu vận tải của toàn xã hội với chất lượng ngày càng cao; đảm bảo an toàn giao thông, bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng và khai thác giao thông vận tải. Kết hợp phát triển giao thông nội tỉnh với giao thông liên tỉnh của vùng và quốc gia.

- Đường bộ: Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải nâng cấp, cải tạo quốc lộ 38B, quốc lộ 37B, quốc lộ 10, quốc lộ 21; nghiên cứu nâng cấp, mở rộng các tuyến tỉnh lộ phù hợp với quy hoạch và khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn; chú trọng phát triển giao thông nông thôn. Liên kết với các địa phương trong vùng để xây dựng tuyến đường ven biển từ Thanh Hóa - Ninh Bình - Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh; đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh.

- Đường thủy: Đầu tư, nâng cấp luồng trên các sông Đào, sông Hồng, sông Đáy, sông Ninh Cơ; chỉnh trị, nạo vét luồng lạch các cửa sông nhằm đảm bảo vận tải thông suốt.

b) Cấp điện

Tập trung xây dựng trung tâm nhiệt điện Nam Định với quy mô công suất 2.400 MW tại Hải Hậu. Xây dựng đồng bộ hệ thống lưới truyền tải, lưới phân phối cùng hệ thống trạm biến áp phù hợp với công suất phát và tiêu thụ điện tại các khu vực trong tỉnh.

c) Bưu chính viễn thông

Tiếp tục xây dựng cơ sở hạ tầng bưu chính viễn thông hiện đại, đồng bộ, rộng khắp, công nghệ tiên tiến đáp ứng nhu cầu phát triển các dịch vụ mới và ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng phục vụ, chăm sóc khách hàng, bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt trong mọi tình huống.

d) Hệ thống cấp thoát nước

Phấn đấu đến năm 2020 có 100% dân số đô thị được dùng nước sạch với tiêu chuẩn 100 đến 120 lít/người/ngày; 100% dân số nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

Cải tạo và nâng cấp hệ thống thoát nước mưa, nước thải tại thành phố Nam Định; đảm bảo nước thải bệnh viện và khu công nghiệp được xử lý đáp ứng đủ tiêu chuẩn trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung.

đ) Thủy lợi

Đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống thủy lợi phù hợp với sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và phát triển nông thôn. Ưu tiên đầu tư nâng cấp các công trình đầu mối, nạo vét, kiên cố hóa kênh mương.

e) Xử lý chất thải rắn, bảo vệ môi trường, tài nguyên nước

Kết hợp hài hòa giữa phòng ngừa, ngăn chặn xử lý ô nhiễm, phục hồi, cải tạo và bảo vệ, bảo tồn; trong đó lấy phòng ngừa và phục hồi tái tạo là chính, xong không xem nhẹ xử lý sự cố môi trường.

7. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo an ninh quốc phòng

Coi việc bảo đảm quốc phòng, an ninh trật tự an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu, đảm bảo môi trường phát triển bền vững. Kết hợp chặt chẽ việc thực hiện

"Chiến lược an ninh quốc gia" với "Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới". Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị để xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Tiếp tục xây dựng tỉnh, huyện, thành phố thành khu vực phòng thủ vững chắc. Tổ chức tốt các cuộc diễn tập quân sự, phòng chống bão lụt, tìm kiếm cứu nạn khi có yêu cầu.

IV. ĐỊNH HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN

1. Phát triển không gian kinh tế - xã hội.

a) Vùng kinh tế biển, bao gồm các huyện Giao Thủy, Hải Hậu và phía Nam huyện Nghĩa Hưng (từ đường 56 xuống biển): Định hướng tiếp tục nghiên cứu để thành lập Khu kinh tế Ninh Cơ khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật nhằm tạo đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội vùng biển và phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh Nam Định.

b) Vùng kinh tế công nghiệp - dịch vụ, bao gồm thành phố Nam Định và khu vực phụ cận: Định hướng phát triển trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội, là hạt nhân phát triển của tiểu vùng Nam đồng bằng sông Hồng; trung tâm của một số ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp, cơ khí, đóng và sửa chữa tàu cỡ trung bình, công nghiệp công nghệ cao; là trung tâm đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế, chăm sóc sức khỏe và nghiên cứu y học cho Nam đồng bằng sông Hồng; trung tâm dịch vụ chất lượng cao, công nghệ thông tin và sản xuất phần mềm của vùng.

c) Vùng sản xuất nông nghiệp kết hợp với công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, bao gồm các huyện: Xuân Trường, Trực Ninh, Nam Trực, Ý Yên, Vụ Bản, Mỹ Lộc và phía Bắc huyện Nghĩa Hưng (từ đường 56 trở lên). Định hướng phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa và đảm bảo giữ vững an ninh lương thực; phát triển chăn nuôi gắn với công nghiệp chế biến nông sản hàng hóa.

2. Phát triển đô thị

Phát triển thành phố Nam Định trở thành trung tâm của vùng Nam đồng bằng sông Hồng. Nâng cấp thị trấn Quất Lâm lên thị xã giai đoạn 2013 - 2015, thị trấn Thịnh Long lên thị xã trong giai đoạn 2016 - 2020 và tiến tới thành lập thành phố Thịnh Long. Đẩy mạnh tốc độ đô thị hóa của tỉnh, mở rộng các đô thị hiện có và xây dựng đô thị mới, khu đô thị mới gắn với phát triển các khu công nghiệp, đầu mối giao thông, các trung tâm thương mại, dịch vụ.

3. Phát triển nông thôn

Tập trung nguồn lực xây dựng nông thôn mới trên toàn tỉnh; đến năm 2015 cơ bản hoàn thành xây dựng 96 xã đạt tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2013 - 2015; tiếp tục thực hiện xây dựng nông thôn mới cho 113 xã còn lại trong giai đoạn 2016 - 2020 và những năm tiếp theo. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn trong vùng theo hướng đẩy mạnh phát triển dịch vụ, ngành nghề, gắn với việc tổ chức tiêu thụ hàng hóa cho nông dân; từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

V. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

(Phụ lục kèm theo)

VI. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về huy động các nguồn vốn đầu tư

- Nhu cầu vốn đầu tư cho việc thực hiện quy hoạch là rất lớn. Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách hàng năm, chủ động xây dựng kế hoạch, phân kỳ đầu tư phù hợp để đảm bảo vốn cho các công trình, các dự án trọng điểm. Đồng thời cần có các giải pháp đẩy mạnh thu hút đầu tư trong và ngoài nước; huy động, sử dụng tốt mọi nguồn lực từ các thành phần kinh tế, các nguồn vốn từ dân cư, doanh nghiệp ngoài quốc doanh và đầu tư trực tiếp nước ngoài; tiếp tục nghiên cứu cơ chế, chính sách ưu đãi để thu hút các nguồn lực đầu tư, chú trọng huy động vốn từ khai thác quỹ đất, vốn vay ODA, xã hội hóa đầu tư

- Đối với nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước (bao gồm cả vốn ODA), trong đó cả từ ngân sách trung ương và ngân sách dành chủ yếu cho phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội; thực hành triệt để tiết kiệm, sử dụng có hiệu quả và tăng tỷ lệ tích luỹ từ nội bộ nền kinh tế của tỉnh. Tranh thủ các nguồn vốn từ Trung ương thông qua các chương trình phát triển và các cơ chế chính sách ưu đãi của Chính phủ; đối với các nguồn vốn ODA, tập trung vào lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật ở các trung tâm kinh tế và các khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn....

- Đối với nguồn vốn tín dụng nhà nước: Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nhà nước mở rộng đầu tư sản xuất, kinh doanh; tăng cường bố trí vốn tín dụng nhà nước cho các dự án sản xuất ưu tiên.

- Đối với nguồn vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu khu, cụm công nghiệp, khu du lịch, làng nghề truyền thống theo quy hoạch được duyệt; xây dựng danh mục các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh và các sản phẩm hàng hóa phục vụ xuất khẩu để kêu gọi đầu tư; đẩy mạnh xã hội hóa trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, đào tạo nghề, văn hóa, thể thao, khoa học công nghệ... Sử dụng hiệu quả đất đai và các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác. Tăng cường huy động vốn đầu tư từ các hình thức đầu tư BOT, BTO, BT, PPP để đẩy nhanh phát triển kết cấu hạ tầng.

2. Giải pháp cơ chế chính sách

- Nghiên cứu ban hành các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư trên cơ sở quy định của pháp luật, phù hợp với tình hình và điều kiện cụ thể của Nam Định.

- Cải cách hành chính, nâng cao năng lực hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước; cải thiện môi trường đầu tư, rà soát lại quy trình làm việc, thủ tục hành chính và công khai rộng rãi, tạo điều kiện tốt nhất cho mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển.

- Xây dựng chính quyền các cấp vững mạnh, nâng cao hiệu quả, hiệu lực của hệ thống chính trị các cấp. Xây dựng và ban hành đầy đủ, kịp thời các quy chế; cơ chế, chính sách đảm bảo phát huy dân chủ, sáng kiến, sáng tạo và làm cho toàn bộ hệ thống chính quyền các cấp hoạt động tốt đáp ứng được yêu cầu phát triển. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực và thực hiện chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức ở địa phương.

- Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, tích cực tháo gỡ khó khăn để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; quan tâm hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các doanh nghiệp mới thành lập.

- Nâng cao chất lượng công tác tư pháp, đảm bảo pháp luật phải được thực hiện đúng, nghiêm minh, công bằng. Thực hiện đồng bộ các biện pháp nhằm phổ biến, giáo dục pháp luật, đảm bảo thi hành pháp luật ở tỉnh. Củng cố, kiện toàn về tổ chức và tăng cường năng lực cho đội ngũ những người làm công tác tư pháp, pháp chế ở tỉnh.

3. Giải pháp về khoa học, công nghệ và bảo vệ môi trường

- Đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến, sáng chế cải tiến kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh, thực hiện đúng quy định quyền sở hữu công nghiệp; khuyến khích các doanh nghiệp dành vốn cho nghiên cứu đổi mới công nghệ, cải tiến kỹ thuật nâng cao năng suất lao động; hợp tác chặt chẽ với các viện nghiên cứu, các trường đại học để thực hiện tốt việc nghiên cứu gắn với ứng dụng vào sản xuất, đời sống.

- Gắn việc ứng dụng nhanh các thành tựu của khoa học - kỹ thuật và phát triển khoa học, công nghệ cao vào sản xuất, đặc biệt là công nghệ tin học trong mọi lĩnh vực. Từng bước đưa công nghệ thông tin vào các lĩnh vực quản lý, kể cả quản lý, điều hành kinh tế và quản lý xã hội. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết "bốn nhà" (nhà nước, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học và nhà nông) trong phát triển nông nghiệp.

- Đổi mới cơ chế, chính sách đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng người lao động và có kế hoạch trẻ hóa đội ngũ cán bộ làm công tác khoa học công nghệ; thực hiện tốt chính sách đãi ngộ các nhà khoa học, chính sách khuyến khích xã hội hóa trong nghiên cứu khoa học và phát triển thị trường khoa học công nghệ. Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ công tác quản lý khoa học công nghệ; tăng cường kiểm soát hoạt động chuyển giao công nghệ, giám định công nghệ, chất lượng và ô nhiễm môi trường.

- Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục ý thức bảo vệ môi trường trong cộng đồng dân cư. Khuyến khích các doanh nghiệp, làng nghề đầu tư xây dựng các cơ sở xử lý chất thải trước khi xả ra môi trường, không nhập các thiết bị có công nghệ lạc hậu cũng như thiết bị gây ảnh hưởng xấu đến môi trường. Xử lý nghiêm các hành vi hủy hoại hoặc gây ô nhiễm môi trường.

4. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Phát triển nguồn nhân lực theo hướng cơ bản đáp ứng tốt nhu cầu về lao động trong các ngành nghề, kết hợp hài hòa giữa đào tạo với giải quyết việc làm cho người lao động; có chính sách thu hút đội ngũ chuyên gia, lao động có trình độ cao.

- Coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch và bố trí sử dụng cán bộ nhất là đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý; phát hiện, bồi dưỡng tài năng trẻ là cán bộ, công chức và các nhà quản lý, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật; đa dạng hóa các hình thức đào tạo, chú trọng công tác đào tạo nghề chuyên sâu; nâng cao chất lượng đào tạo; sử dụng cán bộ, công chức phù hợp với ngành, nghề chuyên môn được đào tạo.

- Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, đào tạo nhằm tăng cường hơn nữa đầu tư cho giáo dục, đào tạo; khuyến khích các hoạt động xã hội về khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

5. Liên kết, hợp tác phát triển với các tỉnh trong vùng.

- Phối hợp trong phát triển kết cấu hạ tầng giao thông; hợp tác hình thành các tuyến du lịch liên tỉnh; hợp tác trong việc thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại, giới thiệu sản phẩm... chung cho cả vùng.

- Phối hợp nâng cao năng lực khai thác hệ thống thủy lợi; nâng cao năng lực tưới, tiêu của hệ thống thủy lợi có liên quan giữa các tỉnh.

- Hợp tác trong lĩnh vực đào tạo - nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, y tế, khám chữa bệnh và nghiên cứu y học, đào tạo nguồn nhân lực....

VII. TỔ CHỨC VÀ GIÁM SÁT THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Sau khi Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 được phê duyệt, Tỉnh cần tổ chức công bố, phổ biến đến các cấp ủy Đảng và chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh. Căn cứ nội dung của Quy hoạch, tiến hành xây dựng chương trình hành động cụ thể để thực hiện đạt kết quả.

2. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, tổ chức giới thiệu, quảng bá về tiềm năng, lợi thế của địa phương với các nhà đầu tư; giới thiệu các chương trình, dự án cần được ưu tiên đầu tư, trong đó chú trọng kêu gọi đầu tư các dự án trọng điểm tạo ra những sản phẩm chủ lực.

3. Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Quy hoạch bằng các kế hoạch 5 năm, hàng năm để thực hiện và có đánh giá kết quả đạt được. Trên cơ sở đó tiến hành rà soát lại Quy hoạch và trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung kịp thời đảm bảo phù hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong từng thời kỳ. Các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong Tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy hoạch.

Điều 2. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nam Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 là cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch ngành (quy hoạch xây dựng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác có liên quan), các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định căn cứ nội dung Quy hoạch được phê duyệt chỉ đạo việc lập, duyệt và triển khai thực hiện theo quy định các nội dung sau:

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện, thành phố; quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực trong tỉnh phù hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh.

2. Lập các kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn gắn với các dự án cụ thể để có kế hoạch bố trí vốn đầu tư phù hợp.

3. Nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành (nếu vượt quá thẩm quyền) một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và luật pháp của nhà nước trong từng thời kỳ nhằm thu hút, huy động các nguồn lực thực hiện Quy hoạch.

Điều 4. Các Bộ, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn và giúp Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định trong quá trình thực hiện Quy hoạch.

2. Phối hợp với tỉnh Nam Định trong quá trình rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch ngành, lĩnh vực để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của Quy hoạch; xem xét, hỗ trợ tỉnh trong việc huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài để thực hiện Quy hoạch. Đẩy nhanh đầu tư, thực hiện các công trình, dự án có quy mô, tính chất vùng và có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của tỉnh Nam Định đã được quyết định đầu tư.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 87/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nam Định đến năm 2020.

Điều 6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ THỜI KỲ 2011 - 2020 TỈNH NAM ĐỊNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2341/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên dự án
I	**CÁC DỰ ÁN DO TRUNG ƯƠNG ĐẦU TƯ**
1	Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 38B (QL10 - QL1A)
2	Tuyến đường bộ ven biển qua tỉnh Nam Định và cầu Thịnh Long
3	Đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh
4	Các dự án phòng chống biến đổi khí hậu và nước biển dâng
5	Quản lý ô nhiễm các khu công nghiệp thuộc lưu vực sông Đồng Nai, sông Nhuệ - Đáy; hỗ trợ phát triển bền vững phát thải thấp và thích ứng với biến đổi khí hậu ở vùng rừng và đồng bằng
6	Các cầu trên các tuyến quốc lộ
7	Nâng cấp trường cao đẳng xây dựng thuộc Bộ Xây dựng lên trường Đại học Xây dựng
II	**CÁC DỰ ÁN DO TỈNH ĐẦU TƯ**
1	Nghiên cứu thành lập Khu kinh tế Ninh Cơ khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định
2	Đường nối đường cao tốc Pháp Vân Ninh Bình tại cao bồ đến khu Kinh tế Ninh Cơ, quy mô các cầu vượt sông Đào, sông Ninh Cơ theo quy hoạch
3	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 488C;.... Cảng sông Nam Định mới
4	Hoàn thành các dự án thuộc chương trình đầu tư củng cố, bảo vệ và nâng cấp đê biển theo Quyết định số 58/2006/QĐ-TTg và chương trình đê sông theo Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 09 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ
5	Các dự án nâng cấp hệ thống thủy nông, thủy lợi trọng điểm: Kênh Cổ Lễ - Bà Nữ - Cát Chử - Thống Nhất; kênh Châu Thành - Rõng; nạo vét cửa Mom Rô và các bãi bồi trên sông Ninh Cơ. Nâng cấp, tăng năng lực tưới tiêu và bổ sung nước ngọt cho hệ thống thủy nông Xuân Thủy
6	Các dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp đường cứu hộ, cứu nạn phòng chống lụt bão các tuyến đê sông, đê biển tỉnh Nam Định. Sắp xếp, bố trí lại dân cư các vùng sạt lở ven biển và ven sông

STT	Tên dự án
7	Xây dựng trung tâm sản xuất giống thủy hải sản chất lượng cao, sạch bệnh; nâng cấp hạ tầng các cơ sở sản xuất giống thủy sản nước ngọt; xây dựng hạ tầng vùng sản xuất giống nhuyễn thể tập trung
8	Xây dựng cảng cá kết hợp tránh trú bão theo Quyết định số 346/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ: Cảng cá Hà Lạn, Giao Hải, Ngọc Lâm, cống Doanh Châu
9	Các dự án xây dựng hạ tầng đô thị, trung tâm hành chính, văn hóa xã hội, thể thao, vui chơi giải trí,... để xây dựng thành phố Nam Định trở thành trung tâm vùng Nam đồng bằng sông Hồng
10	Trung tâm Hội nghị tỉnh, Trung tâm hội trợ triển lãm cấp vùng, Trung tâm thể dục thể thao vùng Nam đồng bằng Sông Hồng, Khu lưu niệm đồng chí Lê Đức Thọ
11	Xây dựng Khu đại học tập trung tỉnh. Xây dựng Trường Đại học đa ngành Nam Định trên cơ sở nâng cấp Trường CĐSP tỉnh; nâng cấp Trường trung cấp VHNT thành Trường cao đẳng văn hóa nghệ thuật, Trường trung cấp y tế thành trường Cao đẳng y dược, trường trung cấp KT-KT nông nghiệp lên Trường Cao đẳng nông nghiệp. Nâng cấp một số Trung tâm dạy nghề lên Trường trung cấp nghề
12	Xây dựng Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong giai đoạn 2011 - 2020 trở thành trường chuyên trọng điểm của quốc gia. Xây dựng các cơ sở giáo dục và đào tạo chất lượng cao
13	Nâng cấp các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh, tuyến huyện, các trung tâm y tế tuyến tỉnh
14	Xây dựng các trung tâm nuôi dưỡng, nhà dưỡng lão
15	Xây dựng các ký túc xá sinh viên
16	Dự án thoát nước và xử lý nước thải thành phố Nam Định; nâng cấp hệ thống cấp thoát nước và xử lý nước thải, rác thải các đô thị. Dự án khắc phục ô nhiễm nguồn nước sông Nam Định; xây dựng các khu xử lý chất thải rắn theo quy hoạch; dự án xử lý nước thải làng nghề; dự án rà soát và di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường; xây dựng Đài hóa thân hoàn vũ
17	Xây dựng cơ sở hạ tầng nâng cấp thị trấn Thịnh Long, thị trấn Quất Lâm lên thị xã
III	**CÁC DỰ ÁN KÊU GỌI ĐẦU TƯ**
1	Đường từ Cao Bồ đến khu Kinh tế Ninh Cơ

STT	Tên dự án
2	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 488 (Cầu Vòi - Thịnh Long)
3	Hạ tầng khu công nghiệp Mỹ Thuận, Mỹ Trung, Thành An, Hồng Tiến, Ý Yên II, Việt Hải, Xuân Kiên; hệ thống kho bãi trung chuyển hàng hóa, kho ngoại quan, trung tâm dịch vụ vận tải
4	Xây dựng mô hình nông nghiệp công nghệ cao sản xuất rau sạch. Xây dựng nhà máy giết mổ, chế biến thịt lợn
5	Các dự án đầu tư sản xuất phụ liệu cho ngành dệt may: Nhà máy kéo sợi; dệt vải mộc khổ rộng; sản xuất phụ liệu may; sản xuất vải len; nhuộm hoàn tất vải dệt thoi. Nhà máy liên hợp dệt kim - nhuộm - hoàn tất - may; sản xuất phụ tùng, thiết bị ngành may; ....
6	Các dự án đầu tư lĩnh vực cơ khí - điện - điện tử: Sản xuất phụ tùng các loại xe khách, xe tải nhẹ; sản xuất lắp ráp điện tử, máy vi tính, công nghệ sản xuất phần mềm; sản xuất trang thiết bị y tế; sản xuất thiết bị cơ khí phụ trợ và nội thất tàu thủy; sản xuất kết cấu thép; sản xuất các sản phẩm nhựa, cao su kỹ thuật; sản xuất vòng bi, khớp nối, phanh; chế tạo bơm, quạt, van điều khiển, thiết bị thủy lực,... sản xuất pin, ắc quy truyền thống, pin Li-Ion;...
7	Nhà máy nhiệt điện Nam Định 2.400 MW
8	Các dự án đầu tư lĩnh vực hóa dược, sản xuất thuốc
9	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng các KCN: Ý Yên II, Việt Hải, Xuân Kiên; các dự án xây dựng KCN, khu thương mại, tổng kho xăng dầu, phân bón tổng hợp, cảng nước sâu,... nằm trong KKT Ninh Cơ. Xây dựng các khu nhà công nhân trong các KCN
10	Đầu tư Trung tâm logistics tại KKT Ninh Cơ; các trung tâm thương mại, văn phòng cao cấp, siêu thị, chợ đầu mối tại thành phố Nam Định và các trung tâm huyện lỵ
11	Các khu du lịch sinh thái vườn quốc gia Xuân Thủy; Khu du lịch văn hóa tâm linh Phủ Giầy - chợ Viềng; Đền Trần Chùa Tháp; các Khu du lịch biển Giao Phong, Rạng Đông,...

Ghi chú: Vị trí, quy mô, tổng mức vốn đầu tư của các dự án sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập, trình duyệt dự án đầu tư phù hợp với nhu cầu và khả năng cân đối, huy động các nguồn lực của tỉnh.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng